

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 916/QĐ-TCHQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tiếp nhận Đơn yêu cầu
kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH 10 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH 10 ngày 29 tháng 06 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH 11 ngày 24 tháng 06 năm 2005;
Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;
Căn cứ Nghị định số 96/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan;
Căn cứ Quyết định số 42/2007/QĐ-BTC ngày 04 tháng 06 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc phân công nhiệm vụ thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, chống hàng giả trong lĩnh vực hải quan cho Cục Điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan;
Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp nhận Đơn yêu cầu kiểm tra hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ.

- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.
- Điều 3:** Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi

nhận:

- Lãnh đạo Bộ Tài chính
- Lãnh đạo Tổng cục Hải quan
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính
- Như Điều 3
- Website Tổng cục Hải quan
- Lưu VT, Cục ĐTCBL (3 bản).

KT TÔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TÔNG CỤC TRƯỞNG
(Đã ký)

Vũ Ngọc Anh

QUY CHẾ

Tiếp nhận Đơn yêu cầu kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 916/QĐ-TCHQ ngày 31 tháng 03 năm 2008 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Để bảo đảm việc tiếp nhận Đơn yêu cầu kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực Hải quan được thực hiện thống nhất và đúng quy định, Tổng cục Hải quan ban hành Quy chế tiếp nhận Đơn yêu cầu kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ trong toàn Ngành như sau:

Điều 1. Quy chế này quy định việc cơ quan Hải quan tiếp nhận Đơn yêu cầu kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ (sau đây gọi tắt là Đơn yêu cầu), bao gồm: Đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ và Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan Hải quan.

1. Tiếp nhận Đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ, hiện vật có liên quan do người nộp đơn nộp và xuất trình, lập phiếu tiếp nhận hồ sơ (mẫu số 01/SHTT). Khuyến khích người nộp đơn cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ cho cơ quan hải quan theo hình thức file điện tử dưới dạng đĩa mềm, đĩa CD, VCD, DVD...
2. Kiểm tra xác định tính hợp lệ, đầy đủ của Đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ, hiện vật do người nộp đơn gửi đến theo quy định.
3. Thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn về việc chấp nhận; không chấp nhận; yêu cầu sửa chữa, bổ sung; huỷ bỏ Đơn yêu cầu trong thời gian quy định. Đối với trường hợp Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan, việc thông báo phải được thực hiện ngay bằng fax hoặc điện thoại, đồng thời phải gửi bằng văn bản cho người nộp đơn biết.
4. Thực hiện việc chuyển Đơn yêu cầu theo quy định tại khoản 2, Điều 36 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 và lưu giữ hồ sơ, mẫu vật theo quy định.
5. Đề nghị người nộp đơn thường xuyên phối hợp, trao đổi, cung cấp bằng văn bản hoặc trực tiếp cho cơ quan Hải quan các thông tin có liên quan đến hàng hoá xuất nhập, nhập khẩu, hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả, hàng nhái; Hỗ trợ cho cơ quan Hải quan trong công tác trao đổi, cung cấp thông tin, phối hợp với các cơ quan thực thi liên quan, cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ, tổ chức, trung tâm giám định.

Điều 3. Thẩm quyền tiếp nhận đơn

1. Tổng cục Hải quan (Cục Điều tra chống buôn lậu) có thẩm quyền tiếp nhận Đơn yêu cầu nếu phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ thuộc địa bàn hoạt động của từ hai (02) Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.
2. Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền tiếp nhận Đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ thuộc địa bàn quản lý.

3. Chi cục Hải quan có thẩm quyền tiếp nhận Đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 4. Nội dung kiểm tra Đơn yêu cầu.

1. Kiểm tra việc nộp đơn đúng thẩm quyền tiếp nhận đơn của cơ quan Hải quan quy định tại Điều 3 nêu trên.

2. Kiểm tra, đối chiếu giữa bản gốc (nếu có) và bản sao hợp pháp các tài liệu do người nộp đơn nộp và xuất trình cho cơ quan Hải quan nhằm xác định tư cách của người nộp đơn theo quy định của pháp luật bao gồm:

a) Bản gốc hoặc bản sao có xác nhận công chứng và của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền các tài liệu được coi là chứng cứ chứng minh chủ thể quyền theo quy định tại khoản 1,2,3 Điều 24 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006.

b) Trường hợp người nộp đơn là tổ chức, cá nhân được chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, được thừa kế, kế thừa đối tượng quyền sở hữu trí tuệ; Bản gốc hoặc bản sao hợp pháp hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, hợp đồng sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ hoặc văn bản xác nhận quyền thừa kế, quyền thừa kế đối tượng quyền sở hữu trí tuệ; Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ (trong trường hợp chuyển việc giao đã được ghi nhận trong Văn bằng bảo hộ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng quyền sở hữu trí tuệ).

c) Trường hợp người nộp đơn thông qua người đại diện theo uỷ quyền: Giấy uỷ quyền hoặc hợp đồng uỷ quyền.

d) trường hợp người nộp đơn thông qua người đại diện theo pháp luật: Các giấy tờ chứng minh tư cách của người đại diện theo pháp luật.

3. Xác định Đơn yêu cầu đã làm theo mẫu quy định (mẫu số 02/SHTT, 03/SHTT) và có đủ thông tin theo yêu cầu.

4. Xác định các tài liệu, mẫu vật, hiện vật (hoặc ảnh chụp) do người nộp đơn cung cấp có đầy đủ xác định hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm các tài liệu như sau: